

BIÊN BẢN
Kiểm tra tài chính thường kỳ
Năm 2025

- ☐ Thời gian: 9 giờ 00 phút Ngày: 01/04/2025
- ☐ Bộ phận được kiểm tra: Kế toán - Thủ quỹ
- ☐ Thành phần kiểm tra:
- | | |
|-------------------|-------------------|
| Phạm Thị Hòa | - Hiệu trưởng |
| Nguyễn Thị Hiền | - Phó hiệu trưởng |
| Nguyễn Thanh Thơm | - TTND |

I. Nội dung kiểm tra : tài chính tháng 03/2025

STT	TÊN CÁC LOẠI QUỸ	TÒN MANG SANG	THU TRONG THÁNG	CHI TRONG THÁNG	TÒN CUỐI THÁNG	NHẬN XÉT
	Chi tiết đính kèm					
	TỔNG CỘNG					

II. Nhận xét chung:

- Sổ sách đầy đủ - kịp thời
- Chứng từ hợp lệ , đủ, sắp xếp gọn gàng ngăn nắp
- Tiền mặt khớp sổ quỹ.....
- Có theo dõi tiền gửi ngân hàng – kho bạc.....
-
-
-
-

III. Đề nghị của ban KT:

-
-
-
-
-

IV. Đánh giá xếp loại

NGƯỜI ĐƯỢC KT  HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Lý Ngọc Tuyên

Phạm Thị Hòa

BAN KIỂM TRA

Phạm Thị Hòa

Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Thanh Thơm

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho đồng Việt Nam)

Hôm nay vào lúc 9 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 04 năm 2025

Chúng tôi gồm:

- Ông /Bà: Nguyễn Thị Thanh Tuyền đại diện Kế toán
- Ông /Bà: Lý Ngọc Tuyền đại diện Thủ quỹ
- Ban KT
- Ông /Bà: Phạm Thị Hòa
- Ông /Bà: Nguyễn Thị Hiền
- Ông /Bà: Nguyễn Thanh Thơm

Cùng tiến hành kiểm kê tiền mặt của đơn vị: Trường Mầm Non Tân Hòa.

Kết quả kiểm tra như sau:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ LƯỢNG		SỐ TIỀN
		Số tờ	Đồng KL	
I	Số tiền tồn quỹ theo sổ quỹ			2.047.304
II	Số tiền mặt kiểm kê thực tế			
	Loại : 500.000 đ	1		500.000
	Loại : 200.000 đ	2		400.000
	Loại : 100.000 đ	7		700.000
	Loại : 50.000 đ	5		250.000
	Loại : 20.000 đ	3		60.000
	Loại : 10.000 đ	11		110.000
	Loại : 5.000 đ	2		10.000
	Loại : 2.000 đ	6		12.000
	Loại : 1.000 đ	6		6.000
	Loại : 500 đ			
	Loại : 200 đ			
	Cộng số tiền đã kiểm kê thực tế			2.048.000
	Số tiền bằng chữ: Hai triệu không trăm bốn mươi tám ngàn đồng.			

III. Chênh lệch (thừa, thiếu) tiền mặt thực tế so với tồn quỹ theo sổ sách:

Lý do chênh lệch như sau: lệch dư 696 đồng

Số tiền mặt tạm ứng chưa vào sổ: 0 đồng

Số tiền gửi sổ tiết kiệm: 981.712.071 đồng

Lý do khác: Không.

Đơn vị giải trình lý do khác như sau:.....

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ

HIỆU TRƯỞNG

KẾ TOÁN

THỦ QUỸ

NGƯỜI LẬP BẢNG



Phạm Thị Hòa Nguyễn Thị Thanh Tuyền Lý Ngọc Tuyền Nguyễn Thị Hiền

Đơn vị báo cáo: Trường Mầm Non Tân Hòa
Mã QHNS: 1030030

Mẫu số TK_AUTO

BÁO CÁO CHI TIẾT SỐ DƯ CỦA TÀI KHOẢN

Tháng 3 Năm 2025

Tài khoản : 1111 - Tiền Việt Nam

Mã đối tượng	Tên đối tượng	Đư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Lũy kế		Đơn vị tính: đồng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
TM16	Nguồn suất ăn trưa bán trú	18.304					320.000	18.304	
TM18	Nguồn suất ăn sáng	29.000					80.000	29.000	
TM26	Nguồn quỹ phúc lợi	2.000.000						2.000.000	
TM41	Thuế thu nhập cá nhân			24.620.660	24.620.660	24.620.660	24.620.660		
	Cộng	2.047.304		24.620.660	24.620.660	24.620.660	25.020.660	2.047.304	

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG/
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Thị Hoà

Đơn vị báo cáo: Trường Mầm Non Tân Hòa
Mã QHNS: 1030030

Mẫu số TK AUTO

BÁO CÁO CHI TIẾT SỐ DƯ CỦA TÀI KHOẢN

Tháng 3 Năm 2025

Tài khoản : 1121 - Tiền Việt Nam

Đơn vị tính: đồng

Mã đối tượng	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Lũy kế		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
TG03	Nguồn học phí	42.648.115		57.420.000	39.590.120	137.660.000	77.182.005	60.477.995	
TG05	Nguồn thẻ dực nhíp điệu(mầm non)	24.603.320		48.425.000	46.816.560	108.177.000	81.965.240	26.211.760	
TG06	Nguồn anh văn(mầm non)	33.933.398		59.760.000	57.780.800	133.280.000	100.940.000	35.912.598	
TG09	Nguồn lãi tiền gửi ngân hàng	6.900		4.600		11.500		11.500	
TG16	Nguồn suất ăn trưa bán trú	399.500.253		525.920.000	506.884.071	1.139.232.000	938.427.668	418.536.182	
TG18	Nguồn suất ăn sáng	120.292.486		125.888.000	120.536.000	272.560.000	218.189.666	125.644.486	
TG20	Nguồn học phẩm-học cụ-học liệu	51.498.035		3.355.000	3.050.000	7.285.000	3.490.000	51.803.035	
TG26	Nguồn quỹ phúc lợi	2.226.805						2.226.805	
TG27	Nguồn quỹ khen thưởng	1.210.853						1.210.853	
TG28	Nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	7.009.511						7.009.511	
TG29	Nguồn quỹ dự phòng ổn định thu nhập	28.172.696						28.172.696	
TG30	Nguồn chuyển lương qua thẻ ATM			637.883.242	637.883.242	1.858.842.669	1.858.842.669		
TG32	Nguồn kinh phí CSSK ban đầu	11.558.535						11.558.535	

Mã đối tượng	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Lũy kế		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
TG34	Nguồn mua sắm trang thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	19.267.750		5.750.000	15.055.000	10.120.000	15.515.000	9.962.750	
TG36	Nguồn cải cách tiền lương	246.227						246.227	
TG37	Nguồn phục vụ ăn sáng	39.345.750		67.729.000	58.122.750	150.004.000	101.052.000	48.952.000	
TG43	Nguồn Học vẽ	18.777.320		37.246.000	36.190.870	82.705.000	62.872.550	19.832.450	
TG44	Nguồn thu hộ, chi hộ cấp trên	15.450.000			15.450.000	15.450.000	15.450.000		
TG47	Nguồn tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	77.458.857		150.842.000	122.837.551	333.359.000	233.710.101	105.463.306	
TG49	Nguồn nước uống học sinh	13.025.382		9.817.000	8.373.000	24.006.000	13.031.000	14.469.382	
TG50	Nguồn Khám sức khoẻ học sinh	13.860.000		600.000	450.000	1.170.000	510.000	14.010.000	
	Cộng	920.092.193		1.730.639.842	1.669.019.964	4.273.862.169	3.721.177.899	981.712.071	

Ngày 31 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)

(Signature)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG/
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

(Signature)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Thị Hoà